

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thơ

2. Bà Trần Thị Huệ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trí – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà
Trịnh Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/TLST- DS ngày 28 tháng 6 năm 2024
về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
33a/2024/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số:
35a/2024/QĐST- DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín

Địa chỉ: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị sáu, quận 3, thành
phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng Giám
đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức Thắng – Chức vụ: Nhân viên
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn
Thương Tín (Theo Giấy ủy quyền số: 350/2024/UQ-TGD ngày 04/01/2024). (Có
đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Thái Nguyễn Anh H, sinh năm: 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đá Bẩn, xã Hộ Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa
người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức Thắng trình bày:*

Ngày 27/9/2019 ông Thái Nguyễn Anh H có ký với Ngân hàng TMCP Sài
Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 130.919.989 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông H phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 117.825.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/12/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.373.531 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Tính đến ngày 25/9/2024 ông H còn nợ số tiền tổng cộng là 48.384.109 đồng (Trong đó, nợ gốc là 17.373.531 đồng, lãi quá hạn là 31.010.578 đồng). Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 17,373,531 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (2.6% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Nhiều lần Ngân hàng làm việc với ông H yêu cầu thanh toán ngay khoản nợ quá hạn nhưng ông H không tiếp tục thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 48.384.109 đồng (Trong đó, nợ gốc là 17.373.531 đồng, lãi quá hạn là 31.010.578 đồng) và **tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn của khoản nợ gốc đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi ông Hào trả dứt nợ gốc.**

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Thái Nguyễn Anh H vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ, đề nghị HĐXX căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú tại xã Hộ Hải, huyện Ninh Hải nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/9/2019 và bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thu nhập của ông H. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với lãi suất 2,6%/tháng cho ông H, hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Chủ thẻ ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/9/2019 được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

[2.2] Về mức lãi suất: Ngân hàng áp dụng mức lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mặc dù mức lãi suất không quy định cụ thể trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tuy nhiên Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi từ ngày ký hợp đồng đến ngày 23/12/2020 mà không khiếu nại gì. Xét thấy, mức lãi suất Ngân hàng áp dụng để tính lãi nợ vay của ông H là sự thỏa thuận giữa hai bên phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[2.3] Về phí dịch vụ thẻ: Tại Điều 6 Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 về việc ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng quy định:

“1. Chủ thẻ phải trả phí cho việc sử dụng dịch vụ thẻ. Loại phí và mức phí do TCPHT quy định tùy thuộc vào loại thẻ sử dụng, dịch vụ mà chủ thẻ được cung ứng khi sử dụng thẻ và không trái với quy định của pháp luật.

2. Các loại phí và mức phí khác liên quan đến dịch vụ thẻ do TCPHT, TCTTT, ĐVCNT, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bù trừ giao dịch thẻ và tổ chức chuyển mạch thẻ phải trả hoặc được trả do các bên liên quan thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật.

3. TCPHT, TCTTT phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ.”

Như vậy, căn cứ Điều 2 của bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định cụ thể về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ, căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng với bị đơn thì các loại phí do Ngân hàng áp dụng đối với hợp đồng tín dụng đã được thỏa thuận giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng. Sau khi được cấp thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 130.919.989 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 117.825.000 đồng. Sau khi trừ hết các khoản theo quy định trong quá trình sử dụng thẻ thì ông H còn nợ số tiền gốc là 17.373.531 đồng.

Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi: Ông H sử dụng thẻ từ tháng 09/2019 đến tháng 12/2020 ông H ngưng thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/12/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 17.373.531 đồng. Tính đến ngày 25/9/2024 ông H còn nợ số tiền là 48.384.109 đồng (Trong đó, nợ gốc là 17.373.531 đồng, lãi quá hạn là 31.010.578 đồng).

Căn cứ khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: “Tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ” và quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ”.

Bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín quy định tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ.

Xét Thông báo về việc thay đổi lãi suất thẻ tín dụng của Ngân hàng từ ngày 27/9/2019 đến nay mức lãi suất được áp dụng đối với loại thẻ này là 2,6% không thay đổi. Ngân hàng đã chấm dứt việc sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, với mức lãi suất quá hạn 3,9% (Điều 23 của bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Quyền và nghĩa vụ của khách hàng và Ngân hàng cũng như cách tính lãi đã được quy định rõ trong Điều khoản, Điều kiện phát hành thẻ tín dụng kèm theo hợp đồng sử dụng thẻ. Vì vậy, mức lãi suất và cách tính lãi cho vay trong hoạt động cấp tín dụng do Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã áp dụng mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và cách tính các khoản lãi dựa vào các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng đối với khách hàng là phù hợp các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Xét về sự vắng mặt bị đơn: Ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trả lời, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án xem như tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Thái Nguyễn Anh H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 48.384.109 đồng (Trong đó, nợ gốc là 17.373.531 đồng, lãi quá hạn là 31.010.578 đồng) và **tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn của khoản nợ gốc đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi ông Hào trả dứt nợ gốc** là có căn cứ, phù hợp các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 280, 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Buộc ông Thái Nguyễn Anh H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 48.384.109 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn một trăm lẻ chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 17.373.531 đồng, lãi quá hạn là 31.010.578 đồng.

Kể từ ngày 26/9/2024, ông Thái Nguyễn Anh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán đã được các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Về án phí:

Ông Thái Nguyễn Anh H phải chịu 2.419.000 đồng (Hai triệu bốn trăm mười chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 2.010.000 đồng (Hai triệu không trăm mười ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004076 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện nguyên đơn; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CC THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hải

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Huệ

Võ Thị Thơ

Lê Hoàng Hải

